

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG**

TỈNH VINH LONG
Số: 20/2017/QĐDS-ST
Ngày: 25/12/2017

V/v: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hồng Quan - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên họp: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 41/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số: 154/2017/QĐPH-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 để xem xét yêu cầu của:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Vương Minh T; Nơi cư trú: Đường L, Khóm E, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Tuyết T; Nơi cư trú: Đường P, Khóm D, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 27/11/2017 của ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T trình bày:

Năm 1998, ông T và bà T quen biết nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có nữ trang cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Đường P, Khóm D, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng có một con chung tên Vương Tuyết M, sinh ngày 26/4/1999 đã trưởng thành. Do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, ông T và bà T yêu cầu Tòa án công nhận những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T khai không có.

Ngoài ra, ông T và bà T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà do ông bà bận công tác và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng các Điều 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng: Ông T và bà T có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt đối với ông T và bà T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T.

Về hôn nhân: Ông T và bà T kết hôn ngày 17/02/1998, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân hợp pháp. Ông T và bà T xác nhận trong quá trình chung sống giữa ông T và bà T đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, hiện tại vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T và bà T không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, ông T và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Vương Tuyết M, sinh ngày 26/4/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà T khai không có.

Về lệ phí việc dân sự: Ông T và bà T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 21, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Vương Minh T và bà Lê Thị Tuyết T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Vương Tuyết M, sinh ngày 26/4/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà T khai không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp:

Ông Vương Minh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003160 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; ông T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị Tuyết T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003161 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan